

Summary of Channel 2:

Lat: 33-48-49.0 N

Lon: 97-08-25.0 W

ERP: 0.100 kW

ComStudy 2.2 RadioSoft

Callsign	Fac ID	ARN	City	Class	Type	ERP	Sep Typ	Status	Bearing	Dist	Prot	Clearan	D/U	Rx Gain	Rx F/B	Zone	Band	Ch#	Adj	Matrix	Svc Cor	Svc dBu	Int Cont	Int dBu	Old Pop	New Po	Total Po	Old Pop	New Po
KDTN	49326	BLET19	DENTON	NTSC	LIC	100.000	D/M	Interf	173.29	137.0	273	-136.0	45	0.0	6.0	2	VLO	2 Z	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	0.0%	0.9%	536072	536072	5311043
KDTN	49326	BMPET	DENTON	NTSC	CP MO	40.000	D/M	Interf	173.09	137.7	273	-135.3	45	0.0	6.0	2	VLO	2 Z	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	0.0%	1.0%	535110	535110	529775
SAME	130934	BNPTV	GAINES	LP NTS	CP	0.100	C/M	Interf	42.94	4.9	245	-100.8	45	0.0	6.0	0	VLO	2 +	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	0.0%	100.0%	907	907	0
NEW	167693	BDCCDD	DE SOT	LP DTV	CP	0.203	M	N/C	173.31	137.0	245	-	-48	10.0	4.0	0	VLO	3 T	A+1	LR	F(50,90)	43	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KJRH	59439	BLCT19	TULSA	NTSC	LIC	100.000	D/M	N/C	28.14	279.4	273	6.4	45	0.0	6.0	2	VLO	2 +	Co	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	130346	BNPTV	WICHITA	LP NTS	APP	3.000	C/M	Clear	274.70	129.5	245	7.7	45	0.0	6.0	0	VLO	2 -	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	125621	BNPTV	WICHITA	LP NTS	APP	3.000	C/M	Clear	273.79	120.8	245	22.5	45	0.0	6.0	0	VLO	2 +	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KFDX-TV	65370	BLCT19	WICHITA	NTSC	LIC	100.000	D/M	N/C	274.09	131.2	96	35.2	-3	0.0	6.0	2	VLO	3 +	A+1	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K02EQ	35955	BLTTV3	PARIS	LP NTS	LIC	0.904	C/M	Clear	96.93	143.2	245	38.6	45	0.0	6.0	0	VLO	2	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
	125253	BNPTV	WICHITA	LP NTS	APP	3.000	C/M	Clear	274.84	128.7	245	110.2	-6	0.0	6.0	0	VLO	3 +	A+1	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	68	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KOET	50198	BLET42	EUFAUL	NTSC	LIC	100.000	D/M	N/C	46.79	224.6	96	128.6	-3	0.0	6.0	2	VLO	3 Z	A+1	LR	F(50,50)	47	-	-	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
NEW	130071	BNPTV	ABILEN	LP NTS	APP	1.600	C/M	Clear	235.69	295.7	245	167.4	45	0.0	6.0	0	VLO	2 +	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K02MU	16585	BLTTL1	ELK CITY	LP NTS	LIC	0.048	C/M	Clear	311.07	273.7	245	169.2	45	0.0	6.0	0	VLO	2	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
KNCD-L	28986	BLTVL1	NACOGES	LP NTS	LIC	0.063	C/M	Clear	135.86	334.6	245	234.6	45	0.0	6.0	0	VLO	2 Z	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C
K02GM	10046	BPTVL1	BRADY	LP NTS	APP	0.022	C/M	Clear	216.57	365.2	245	266.7	45	0.0	6.0	0	VLO	2	Co	LR	F(50,50)	62	F(50,10)	17	N/C	N/C	N/C	N/C	N/C